TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2026/DS-PT
Ngày 29-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy và ông Lưu Hữu Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giangxét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2026/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 198/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 254/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Thanh V, sinh năm 1966 (có mặt);

Nơi cư trú: Số A, khóm N, phường L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số H, ấp T, xã L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số E, đường T, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số H, chung cư B, khóm T, phường L, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh Đ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Thanh V trình bày: Do quen biết nên ngày 10/9/2024, ông V có cho ông

Nguyễn Thanh Đ vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng, không thỏa thuận về lãi suất, ông Đ có viết biên nhận vào cùng ngày và giao bản chính cho ông V giữ. Quá trình vay, mặc dù không thỏa thuận lãi suất nhưng ông Đ có trả lãi cho ông V được 04 tháng (từ tháng 10/2024 đến tháng 01/2025) với số tiền 10.000.000 đồng (2.500.000 đồng/tháng), sau đó thì không trả nữa. Mặc dù ông V đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ không thực hiện và cố tình trốn tránh, vì vậy ông V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ có trách nhiệm trả cho ông V số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, ông V đồng ý khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nhận vào số tiền 50.000.000 đồng còn nợ, ông xác định chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền 40.000.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh V đối với ông Nguyễn Thanh Đ.

Buộc ông Nguyễn Thanh Đ có trách nhiệm trả cho ông Trương Thanh V số tiền 40.000.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh V về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ trả số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 04/02/2026, bị đơn là ông Nguyễn Thanh Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 223/2025/DS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang, xác định lại thẩm quyền giải quyết của Tòa án và xem xét lại toàn bộ các vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Trương Thanh V trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Đ, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Việc ông Đ cho

rằng đã trả cho ông số tiền vốn 50.000.000đ ngày 10/3/2025 tại quán B nối dài là hoàn toàn không có, bịa đặt. Đối với việc ông Đ cho rằng ông Đăng cư T ở Chợ M là không đúng, chính ông Đ viết biên nhận nợ cho ông ghi địa chỉ tại L nên ông căn cứ vào đó khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang; đồng thời, thực tế ông Đ thay đổi nơi ở liên tục nên ông Đ kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân khu vực 9 xét xử không đúng thẩm quyền là không có cơ sở.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh Đ làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/5/2026. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đòng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền xét xử:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông V kiện bị đơn ông Đ, cung cấp nơi cư trú của ông Đ tại Số H, ấp T, xã L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Số E, đường T, khóm B, phường B, tỉnh An Giang và nơi ở hiện tại: Số H, chung cư B, khóm T, phường L, tỉnh An Giang. Đồng thời, căn cứ theo biên nhận ngày 10/9/2024 do ông V cung cấp thể hiện ông Đ ghi nhận địa chỉ: Số E, đường T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là Số E, đường T, khóm B, phường B, tỉnh An Giang). Vì vậy, việc ông Đ thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho ông V biết về nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015. Đồng thời, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, sau khi thụ lý vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Đ theo quy định pháp luật tại tất cả các địa chỉ trên. Ngoài ra, cấp sơ thẩm đã có biên bản xác minh tại Công an xã L đối với địa chỉ Số H, ấp T, xã L, tỉnh An Giang thể hiện ông Đ có đăng ký thường trú, hiện không có sinh sống và làm ăn tại địa phương, không rõ nơi cư trú; tại Công an phường B, Công an phường L không có thông tin đăng ký thường trú, tạm trú và không sinh sống.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm đã thu thập các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 145/2025/TLST-DS ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang), như: Bản án số 196/2025/DS-ST ngày 24/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang; Đơn xin hoãn phiên tòa sơ thẩm ngày 22/9/2025 của ông Nguyễn Thanh Đ; Giấy ủy quyền ngày 21/3/2025 do Văn phòng C chứng nhận; Đơn yêu cầu về việc tống đạt các văn bản ngày 18/9/2025 của ông Nguyễn Thanh Đ; Đơn yêu cầu ngày 19/5/2025 của ông Nguyễn Thanh Đ; Căn cước công dân của ông Nguyễn Thanh Đ,… có căn cứ xác định ông Đăng cư T tại các địa chỉ như nguyên đơn cung cấp và một trong các địa chỉ này cũng là địa chỉ mà ông Đ đã xác định tại Biên nhận nợ ngày 10/9/2024.

Đồng thời, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/5/2026 mà ông Đ gửi qua đường bưu chính cho Tòa án cấp phúc thẩm, ông Đ cũng ghi nhận nơi ở hiện nay của ông tại Số H, chung cư B, phường L, tỉnh An Giang.

Từ phân tích trên, ông Đ kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang xét xử không đúng thẩm quyền là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông V khởi kiện yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả cho ông V số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào Biên nhận ngày 10/9/2024 thể hiện ông Đ có ký nhận vào biên nhận với nội dung mượn ông V số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả; tuy nhiên theo ông V, hai bên thỏa thuận miệng đến ngày 10/10/2024 ông Đ sẽ trả toàn bộ số tiền vay. Giao dịch dân sự trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 275, Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đồng thời, ông V cho rằng khi đến thời hạn trả nợ ngày 10/10/2024, ông Đ không trả vốn nên xin ông cho trả lãi và có trả cho ông được 04 tháng (từ tháng 10/2024 đến tháng 01/2025) với số tiền 10.000.000 đồng (2.500.000 đồng/tháng) và từ tháng 02/2025 ông V yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ không thực hiện nghĩa vụ, nên đồng ý trừ số tiền đã nhận vào số tiền vốn 50.000.000 đồng ông Đ nợ, ông V chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền 40.000.000 đồng. Tại giai đoạn sơ thẩm, dù được triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông V, xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, xét thấy ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông V khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số nợ gốc còn lại 40.000.000 đồng và được cấp sơ

thẩm chấp nhận là có căn cứ và phù hợp quy định khoản 1 Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nay ông Đ kháng cáo thừa nhận có mượn của ông V số tiền 50.000.000 đồng và viết biên nhận nợ ngày 10/9/2024 cho ông V. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng đã trả cho ông V đủ số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 10/3/2025 tại quán B, đường L nối dài, phường L, tỉnh An Giang nhưng không yêu cầu ông V viết biên nhận; đồng thời, ông V nói quên đem biên nhận ngày 10/9/2024, hôm nào rảnh ông V sẽ gửi lại sau. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V không thừa nhận việc ông Đ đã trả nợ và ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán tiền cho ông V nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Đ.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh V đối với ông Nguyễn Thanh Đ.

Buộc ông Nguyễn Thanh Đ có trách nhiệm trả cho ông Trương Thanh V số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh V về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ trả số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Thanh V được nhận lại số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004788 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000596 ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hữu Giàu **Trịnh Ngọc Thúy** **Phạm Thị Minh Châu**